

Số: 1468/HD-SGDĐT

Quảng Ninh, ngày 09 tháng 5 năm 2024

HƯỚNG DẪN

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 19/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 65/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2021 - 2022 đến năm học 2025 - 2026

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 65/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2021 - 2022 đến năm học 2025 - 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 19/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 65/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2021 - 2022 đến năm học 2025 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 1311/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách địa phương, điều chỉnh, bổ sung, phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2024.

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại các Công văn số 999/UBND-GD ngày 24/4/2024, Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 19/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 65/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2021 - 2022 đến năm học 2025 - 2026 như sau:

1. Về mức học phí

a. Đối với năm học 2023 - 2024, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND và khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 65/2021/NQ-HĐND, mức học phí (nghìn đồng/học sinh/tháng) như sau:

Vùng	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
Thành thị	300	300	300	300
Nông thôn	100	100	100	200
Dân tộc thiểu số và miền núi	50	50	50	100

b. Đối với năm học 2024 - 2025 và năm học 2025 - 2026, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND và khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 65/2021/NQ-HĐND, mức học phí (nghìn đồng/học sinh/tháng) như sau:

Vùng	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
Thành thị	125		60	125
Nông thôn	50		30	50
Dân tộc thiểu số và miền núi	20		15	20

c. Mức học phí tại mục 1.a và 1.b nêu trên là căn cứ để các cơ sở giáo dục công lập:

- Xây dựng, trình thẩm định, phê duyệt lại phương án tự chủ tài chính theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 Nghị định số 97/2023/NĐ-CP¹ (theo hướng dẫn tại mục 5 của văn bản này);

- Đề nghị điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2024 và lập dự toán ngân sách năm 2025 (Sở Tài chính có hướng dẫn riêng);

- Thực hiện chính sách hỗ trợ học phí, cấp học bổng và các chế độ, chính sách khác có liên quan (riêng chính sách miễn, giảm học phí thực hiện theo hướng dẫn tại mục 4 của văn bản này);

- Thu học phí (theo hướng dẫn tại mục 2 văn bản này).

2. Về thu học phí

a. Đối với năm học 2023 - 2024:

- Mức thu học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên

¹ “... Trường hợp việc thực hiện thu học phí theo quy định tại Nghị định này dẫn đến có biến động về nguồn thu làm thay đổi mức độ tự chủ tài chính đã được phê duyệt, các cơ sở giáo dục có trách nhiệm rà soát lại các khoản thu, chi, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên rà soát, chịu trách nhiệm thẩm định để phê duyệt lại phương án tự chủ tài chính cho thời gian còn lại của thời kỳ ổn định theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.”

giáo dục thường xuyên (gọi chung là học sinh): Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 97/2023/NĐ-CP, bằng mức học phí năm học 2021 - 2022 quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 65/2021/NQ-HĐND;

- Số thu học phí (số học phí phải đóng) từ học sinh (P): Bằng số tháng thực học của học sinh (không quá 09 tháng/năm học) nhân với mức thu học phí đối với học sinh;

- Thực hiện thu học phí từ học sinh (trừ đối tượng được miễn, giảm học phí thực hiện theo hướng dẫn tại mục 4 của văn bản này): Cơ sở giáo dục tính số thu học phí (số học phí phải đóng) đối với từng học sinh (P) theo mức thu học phí của năm học 2021 - 2022, số học phí mà học sinh đã đóng (D) trong năm học 2023 - 2024, tiến hành thu phần học phí còn lại ($P - D$).

Trường hợp số học phí mà học sinh hoặc cha mẹ học sinh đã đóng (D) cao hơn số thu học phí từ học sinh (P), cơ sở giáo dục có trách nhiệm trả lại phần chênh lệch ($D - P$) cho học sinh hoặc cha mẹ học sinh, kinh phí chi trả từ dự toán giao bổ sung năm 2024 (chi tiết theo hướng dẫn tại mục 3 của văn bản này).

b. Đối với năm học 2024 - 2025, 2025 - 2026: Mức thu học phí đối với học sinh bằng mức học phí tại mục 1.b của văn bản này.

3. Về thực hiện dự toán kinh phí giao bổ sung năm 2024 hỗ trợ nguồn thu học phí cơ sở giáo dục

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 97/2023/NĐ-CP, cơ sở giáo dục được hỗ trợ nguồn thu học phí từ dự toán ngân sách giao bổ sung theo quy định tại Nghị quyết số 202/NQ-HĐND ngày 19/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ tại Quyết định số 1311/QĐ-UBND, mức hỗ trợ bằng phần chênh lệch tăng thêm giữa số thu học phí theo mức học phí năm học 2023 - 2024 so với số thu học phí theo mức học phí năm học 2021 - 2022, đảm bảo nguồn học phí năm học 2023 - 2024 của cơ sở giáo dục (bao gồm số thu học phí từ học sinh và ngân sách hỗ trợ) bằng số thu học phí theo mức học phí năm học 2023 - 2024 quy định tại Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND. Thực hiện như sau:

a. Lập, thẩm định, phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ

- Cơ sở giáo dục lập dự toán kinh phí (theo Mẫu số 01 gửi kèm văn bản này), gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch (đối với đơn vị cấp huyện) hoặc Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với đơn vị cấp tỉnh); thời gian hoàn thành trước 17/5/2024;

- Trên cơ sở đề nghị của cơ sở giáo dục, thẩm định của cơ quan tài chính, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định phê duyệt dự toán và phân bổ kinh phí cho các cơ sở giáo dục; thời gian hoàn thành trước 20/5/2024.

b. Sử dụng kinh phí hỗ trợ

- Cơ sở giáo dục sử dụng dự toán kinh phí được giao bổ sung để trả lại cho học sinh hoặc cha mẹ học sinh phần chênh lệch cao hơn (nếu có) giữa số học phí học sinh đã đóng so với số thu học phí (số học phí phải đóng) từ học sinh. Lập Danh sách học sinh đóng học phí (phần còn lại của năm học 2023 - 2024) hoặc nhận tiền trả lại (theo Mẫu số 02 kèm văn bản này), thông báo công khai đến cha mẹ học sinh số học phí còn lại phải đóng (nếu có) hoặc số tiền được trả lại (nếu có). Việc thu nộp, chi trả phải đảm bảo đúng đối tượng, đúng số tiền, hạn chế hình thức thanh toán bằng tiền mặt để giảm thiểu các rủi ro phát sinh.

- Phần kinh phí hỗ trợ còn lại sau khi đã trả lại (nếu có) cho học sinh hoặc cha mẹ học sinh được bổ sung vào nguồn thu học phí của đơn vị.

c. Kinh phí hỗ trợ giao bổ sung được hạch toán và quyết toán vào chi ngân sách năm 2024 của cơ sở giáo dục công lập theo chương, loại, khoản mục lục ngân sách quy định tại Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính, tiểu mục 7766.

4. Về thực hiện chính sách miễn, giảm học phí

Cơ sở giáo dục căn cứ mức thu học phí đối với học sinh để thực hiện chính sách miễn, giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, kinh phí thực hiện từ dự toán kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập được giao trong dự toán hàng năm.

Riêng đối với đối tượng học sinh được giảm học phí, cơ sở giáo dục xác định số thu học phí hoặc số học phí phải trả lại như hướng dẫn tại mục 2.

5. Về xây dựng, thẩm định, phê duyệt lại phương án tự chủ tài chính, đề án tự chủ và đề xuất số lượng hợp đồng lao động

a. Về xây dựng, thẩm định, phê duyệt lại phương án tự chủ tài chính: Cơ sở giáo dục công lập căn cứ mức học phí tại mục 1 văn bản hướng dẫn này để xây dựng phương án tự chủ tài chính năm 2024, 2025, trước ngày 25/5/2024 gửi cơ quan tài chính cùng cấp đề thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với đơn vị thuộc cấp huyện quản lý), Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo) phê duyệt lại phương án tự chủ tài chính.

b. Về xây dựng, thẩm định, phê duyệt lại đề án tự chủ: Cơ sở giáo dục công lập sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt lại phương án tự chủ và được phân loại đơn vị nhóm 3 xây dựng đề án tự chủ, trước ngày 30/5/2024 gửi cơ quan quản lý trực tiếp (Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Giáo dục và Đào tạo) để tổng hợp, gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c. Về đề xuất số lượng hợp đồng lao động: Cơ sở giáo dục công lập được phân loại đơn vị nhóm 4 (bao gồm cả tiểu học) căn cứ định mức số lượng người làm việc theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, số lượng người hưởng lương từ ngân sách nhà nước được giao năm 2024 để đề xuất số lượng hợp đồng lao

động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về thực hiện hợp đồng lao động và hợp đồng dịch vụ đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập, trước ngày 30/5/2024 gửi cơ quan quản lý trực tiếp để tổng hợp, gửi Sở Nội vụ thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt

6. Về quản lý, sử dụng học phí

Cơ sở giáo dục sử dụng nguồn thu học phí (bao gồm số thu học phí từ học sinh và kinh phí ngân sách hỗ trợ giao bổ sung, kinh phí cấp bù thực hiện chính sách miễn, giảm học phí) để chi cho hoạt động thường xuyên theo phương án tự chủ tài chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Các nội dung khác không hướng dẫn tại văn bản này được thực hiện theo Hướng dẫn số 263/HD-SGDĐT ngày 26/01/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập.

Trong quá trình thực hiện hướng dẫn này nếu có vướng mắc, cơ sở giáo dục, phòng giáo dục và đào tạo phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để kịp thời xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- GD, các PGD Sở GDĐT;
- Các Sở: Tài chính, Nội vụ, Tư pháp;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Phòng GDĐT các huyện, TX, TP;
- Các cơ sở giáo dục;
- Các đơn vị thuộc Sở GDĐT;
- Công TTĐT;
- Lưu: VT, KHTC₀₇.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đinh Ngọc Sơn

TÊN ĐƠN VỊ

Mẫu số 01

DỰ TOÁN

Kinh phí hỗ trợ học phí năm học 2023 - 2024 cho cơ sở giáo dục từ dự toán giao bổ sung năm 2024
tại Quyết định số 1311/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Đơn vị tính: đồng.

TT	Họ và tên học sinh	Đang học tại lớp	Số tháng thực học tại cơ sở giáo dục (không quá 09 tháng/năm học)	Số tháng đã được cấp bù hỗ trợ miễn, giảm học phí (**)	Số tiền chênh lệch giữa mức học phí năm 2023 - 2024 so với năm học 2021 - 2022	Tổng số tiền chênh lệch	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	$5 = (2-3)*4$	5
Tổng cộng							

NGƯỜI LẬP BIỂU

....., ngày tháng 5 năm 2024
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(*): Không quá 09 tháng/năm học
(**): Đối với học sinh thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí

TÊN ĐƠN VỊ

Mẫu số 02

DANH SÁCH

Học sinh đóng học phí (phần còn lại của năm học 2023 - 2024)
hoặc nhận tiền trả lại (do số học phí đã đóng nhiều hơn học phí phải đóng)

TT	Họ và tên học sinh	Đang học tại lớp	Số học phí phải đóng theo mức học phí năm học 2021 - 2022	Số học phí đã đóng trong năm học 2023 - 2024	Số học phí còn lại phải đóng (nếu $P > D$)	Số tiền trả cho học sinh (nếu $P \leq D$)	Học sinh ký tên nộp/nhận tiền (nếu thanh toán bằng tiền mặt)
			P	D	$P - D$	$D - P$	
Tổng cộng							

NGƯỜI LẬP BIỂU

....., ngày tháng 5 năm 2024
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ